

DANH SÁCH ỦNG HỘ QUỸ “VÌ MIỀN TRUNG RUỘT THỊT” NĂM 2016

Tổng tiền mặt: **61,108,000VNĐ**;

Tổng xuất quà: 12 x 100,000 = **1,200,000 VNĐ**.

tt	Tên	Đơn vị	Số tiền	ghi chú
1	Tập thể lớp ổn định tàu		300,000	
2	Tập thể sinh viên Ký túc xá	Ký túc xá	2,208,000	
3	Tập thể lớp CN16B	Công nghệ thông tin	300,000	
4	Tập thể CD16CLCA	Viện Đào tạo & Hợp tác quốc tế	500,000	
5	Tập thể TD14	Điện - Điện tử viễn thông	300,000	
6	ThS. Nguyễn Hải Dương	Bí thư Đoàn trường	200,000	
7	Tập thể lớp MT13A	Máy Tàu thủy	720,000	
8	Hồ Ngọc Huy Hoàng	CLB Sinh viên 5 tốt - HSV trường	1,200,000	12 xuất quà
9	Nguyễn Văn Phương	ĐH Kinh tế Luật		
10	Tập thể KQ16A	Kinh tế vận tải	646,000	
11	Thầy và trò XM13	Công trình Giao thông	1,170,000	
12	Tập thể VT14	Kỹ thuật tàu thủy	1,500,000	
13	Tập thể VT13	Kỹ thuật tàu thủy	446,000	
14	Tập thể KT14B	Kinh tế vận tải	800,000	
15	Tập thể KM15	Công nghệ thông tin	200,000	
16	Tập thể KD15E	Điện - Điện tử viễn thông	515,000	
17	Tập thể CG15CLC	Viện Đào tạo & Hợp tác quốc tế	210,000	
18	Cô Hải	Lao công CS1	100,000	
19	Tập thể MT14C	Máy Tàu thủy	182,000	
20	Tập thể VT15A	Kỹ thuật tàu thủy	660,000	
21	Tập thể MT16B	Máy Tàu thủy	460,000	
22	Tập thể CX16CLCB	Viện Đào tạo & Hợp tác quốc tế	67,000	
23	Ngô Thị Thùy Linh	Cựu sinh viên	200,000	
24	Trần Lĩnh	Cựu sinh viên TĐ04	1,000,000	
25	Ngô Thị Ngân	Cựu sinh viên CD05A	300,000	
26	Tập thể DV16	Điện - Điện tử viễn thông	200,000	
27	Tập thể QX13	Kinh tế vận tải	320,000	
28	Tập thể CK16A	Cơ khí	100,000	
29	Nguyễn Tuấn Anh	CLB Sinh viên 5 tốt - HSV trường	100,000	
30	Trần Quang Minh	CLB Sinh viên 5 tốt - HSV trường	50,000	
31	Trần Huy Hoàng	MT12B - Máy Tàu thủy	50,000	
32	Tập thể KC13B	Kỹ thuật xây dựng	300,000	

33	Tập thể CN13	Công nghệ thông tin	1,310,000	
34	Tập thể VT15A	Kỹ thuật tàu thủy	200,000	
35	Tập thể CLB Patin	CLB Patin	200,000	
36	Tập thể CK16B	Cơ khí	340,000	
37	Tập thể TD13	Điện - Điện tử viễn thông	200,000	
38	Tập thể DC13	Điện - Điện tử viễn thông	746,000	
39	Tập thể HH16A	Hàng hải	318,000	
40	Nhóm công tác xã hội	Nhóm công tác xã hội	1,200,000	
41	Tập thể XC16LT	Kỹ thuật xây dựng	390,000	
42	Tập thể QL16B	Kinh tế vận tải	483,000	
43	Tập thể CT12	Công trình Giao thông	264,000	
44	Lê Thành Thiết	CK15C - Cơ khí	10,000	
45	Đình Thế Kiệt	CK15C - Cơ khí	10,000	
46	Tập thể TD16B	Điện - Điện tử viễn thông	133,500	
47	Tập thể CD12B	Công trình Giao thông	965,000	
48	Tập thể HH14CLC	Viện Đào tạo & Hợp tác quốc tế	75,000	
49	Tập thể XC13A	Kỹ thuật xây dựng	690,000	
50	Tập thể CT13	Công trình Giao thông	220,000	
51	Tập thể KT16CLCA	Viện Đào tạo & Hợp tác quốc tế	350,000	
52	Tập thể CX16A	Kỹ thuật xây dựng	355,000	
53	Tập thể CD16LT	Công trình Giao thông	680,000	
54	Tập thể CX16B	Kỹ thuật xây dựng	165,500	
55	Tập thể CX16D	Kỹ thuật xây dựng	300,000	
56	Tập thể KM16	Công nghệ thông tin	263,000	
57	Tập thể KT14C2	Kinh tế vận tải	674,000	
58	Tập thể XC13A	Kỹ thuật xây dựng	50,000	
59	Tập thể HH15CLC	Viện Đào tạo & Hợp tác quốc tế	1,181,000	
60	Tập thể KT14C1	Kinh tế vận tải	194,000	
61	Tập thể DB13	Công trình Giao thông	1,500,000	
62	Tập thể ND13	Kỹ thuật tàu thủy	270,000	
63	Tập thể CD13	Công trình Giao thông	700,000	
64	Tập thể CX16E	Kỹ thuật xây dựng	300,000	
65	Tập thể LCB Sống đẹp	LCB sống đẹp	500,000	
66	Tập thể KT13B	Kinh tế vận tải	285,000	
67	Tập thể VT16A	Kỹ thuật tàu thủy	200,000	
68	Tập thể CO13A	Cơ khí	400,000	
69	Tập thể QL16A	Kinh tế vận tải	543,000	
70	Tập thể CK15C	Cơ khí	250,000	
71	Tập thể QL12	Kinh tế vận tải	100,000	

72	Tập thể NM14	Kỹ thuật xây dựng	300,000	
73	Tập thể QL16CLCA	Viện Đào tạo & Hợp tác quốc tế	272,000	
74	Tập thể KQ16B	Kinh tế vận tải	650,000	
75	Tập thể KT16B	Kinh tế vận tải	362,000	
76	Tập thể QH16	Hàng hải	216,000	
77	Tập thể KD16A	Điện - Điện tử viễn thông	300,000	
78	Tập thể NK13	Kỹ thuật tàu thủy	110,000	
79	Tập thể VT16B	Kỹ thuật tàu thủy	462,500	
80	Tập thể CK16D	Cơ khí	500,000	
81	Nguyễn Hoàng Hải	IEC16	500,000	
82	Mai Xuân Nghĩa	IEC16	100,000	
83	Tập thể KT13D	Kinh tế vận tải	500,000	
84	Tập thể CD14CLCA	Viện Đào tạo & Hợp tác quốc tế	350,000	
85	KT15CLC1	Viện Đào tạo & Hợp tác quốc tế	455,000	
86	Tập thể KX14B	Kinh tế vận tải	988,000	
87	Tập thể TN13	Kỹ thuật tàu thủy	200,000	
88	Tập thể QG14	Công trình Giao thông	245,000	
89	Tập thể HH15A	Hàng hải	565,000	
90	Tập thể VT15B	Kỹ thuật tàu thủy	200,000	
91	Tập thể CD14	Công trình Giao thông	1,000,000	
92	Tập thể KD15D	Điện - Điện tử viễn thông	710,000	
93	Tập thể CX15A	Kỹ thuật xây dựng	220,000	
94	Tập thể CG15H	Công trình Giao thông	461,000	
95	Tập thể HH14C	Hàng hải	372,000	
96	Tập thể CO14B	Cơ khí	240,000	
97	Tập thể KT14A	Kinh tế vận tải	1,175,000	
98	Tập thể XD13	Cơ khí	470,000	
99	Tập thể TN14	Máy Tàu thủy	360,000	
100	Tập thể MT15A	Máy Tàu thủy	100,000	
101	Tập thể QX14	Kinh tế vận tải	600,000	
102	Tập thể MT15B	Máy Tàu thủy	100,000	
103	Tập thể MT14A	Máy Tàu thủy	500,000	
104	Tập thể CX15B	Kỹ thuật xây dựng	135,000	
105	Tập thể CN14A	Công nghệ thông tin	384,000	
106	Tập thể CG15E	Công trình Giao thông	500,000	
107	Tập thể KX13A	Kinh tế vận tải	1,000,000	
108	Tập thể QL14A	Kinh tế vận tải	300,000	
109	Tập thể QL14B	Kinh tế vận tải	250,000	
110	Tập thể QX13	Kinh tế vận tải	220,000	

111	Tập thể XM14	Cơ khí	333,000	
112	Tập thể KD15G	Điện - Điện tử viễn thông	440,000	
113	Tập thể KC14	Kỹ thuật xây dựng	200,000	
114	Tập thể CK15B	Cơ khí	549,000	
115	Tập thể QL15A	Kinh tế vận tải	702,000	
116	Tập thể KT15A	Kinh tế vận tải	80,000	
117	Tập thể KT14D	Kinh tế vận tải	1,212,000	
118	Tập thể QL15B	Kinh tế vận tải	742,500	
119	Tập thể KX14A	Kinh tế vận tải	1,025,000	
120	Tập thể KT15B	Kinh tế vận tải	800,000	
121	Tập thể CN15B	Công nghệ thông tin	365,000	
122	Tập thể CG15D	Công trình Giao thông	495,000	
123	Dương Ngọc Thạch	Sinh viên	50,000	
124	Lê Sơn Hải	Sinh viên	50,000	
125	Phùng Đình Huấn	Sinh viên	20,000	
126	Trần Phước Sang	Sinh viên	10,000	
127	Nguyễn Hoàng Khang	Sinh viên	20,000	
128	Nguyễn Đình Quốc	Sinh viên	20,000	
129	CN16A	Công nghệ thông tin	340,000	
130	Ban hoạt động quận 12	Hội sinh viên trường	210,000	
131	HH15B	Hàng hải	100,000	
132	Tập thể KQ15A	Kinh tế vận tải	610,000	
133	Nguyễn Thị Thùy Linh	UV BTK HSV trường	50,000	
134	Tập thể KM14	Công nghệ thông tin	328,000	
135	Tập thể CD13CLCA	Viện Đào tạo & Hợp tác quốc tế	610,000	
136	Tập thể NM13	Kỹ thuật xây dựng	270,000	
137	Tập thể CO13B	Cơ khí	255,000	
138	Tập thể ND14	Kỹ thuật tàu thủy	320,000	
139	Tập thể XD14	Cơ khí	85,000	
140	Tập thể KT15D	Kinh tế vận tải	400,000	
141	Tập thể CG15B	Công trình Giao thông	415,000	
142	Tập thể DB14	Công trình Giao thông	1,010,000	
143	Chương trình Ca nhạc	Tập thể CLB Giai điệu trái tim	2,300,000	
Tổng			62,308,000	61,108,000